

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY

TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN HÒA

THÔNG BÁO
Về chất lượng giáo dục năm học 2022-2023

Đơn vị: học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1957	316	373	393	398	477
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	100	100	100	100	100	100
III	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1952	316	371	392	397	476
1	Thực hiện đầy đủ (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	100	100	100	100	100	100
2	Thực hiện chưa đầy đủ (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %						
IV	Số học sinh chia theo học lực	1952	316	371	392	397	476
1	Tiếng Việt	1952	316	371	392	397	476
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	80,12	79,11	73,85	82,14	77,83	85,92
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	19,88	20,89	26,15	17,86	22,17	18,08
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %						
2	Toán	1952	316	371	392	397	476
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	75,2	81,33	79,78	85,71	54,41	76,26
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	24,8	18,67	20,22	14,29	45,59	23,74
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %						
3	Khoa học	873				397	476

a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	86,03				79,6	91,39
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	13,97				20,4	8,61
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %						
4	Lịch sử và Địa lí	873				397	476
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	90,26				89,67	90,76
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	9,74				10,33	9,24
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	0				0	0
5	Tiếng nước ngoài	1265			392	397	476
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	65,06			63,52	62,47	68,49
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	34,94			36,48	37,53	31,51
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	0			0	0	0
6	Tiếng dân tộc						
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
7	Tin học	1265			392	397	476
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	69,96			68,88	73,3	68,07
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	30,04			31,12	26,7	31,93
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %						
8	Đạo đức	1952	316	371	392	397	476
a	Hoàn thành tốt (A+) (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	87,14	81,33	79,78	85,71	87,91	97,27

b	Hoàn thành (A) (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	12,86	18,67	20,21	14,29	12,09	2,73
c	Chưa hoàn thành (B) (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %						
9	Tự nhiên và Xã hội	1079	316	371	392		
a	Hoàn thành tốt (A+) (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	76	76,7	75,47	75,77		
b	Hoàn thành (A) (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	24	23,1	24,53	24,23		
c	Chưa hoàn thành (B) (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %						
10	Âm nhạc	1952	316	371	392	397	476
a	Hoàn thành tốt (A+) (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	73,92	76,58	73,58	72,19	69,77	77,31
b	Hoàn thành (A) (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	26,08	23,42	26,42	27,01	30,23	22,69
c	Chưa hoàn thành (B) (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %						
11	Mĩ thuật	1952	316	371	392	397	476
a	Hoàn thành tốt (A+) (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	69,93	73,73	66,04	68,88	66,5	74,16
b	Hoàn thành (A) (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	30,07	26,27	33,96	31,12	33,5	25,84
c	Chưa hoàn thành (B) (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %						
12	Thủ công (Kỹ thuật)	1265			392	397	476
a	Hoàn thành tốt (A+) (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	82,37			71,94	81,86	91,39
b	Hoàn thành (A) (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	17,63			28,06	18,04	8,61
c	Chưa hoàn thành (B) (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %						
13	Thể dục	1952	316	371	392	397	476
a	Hoàn thành tốt (A+) (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	75,97	75	74,39	75	76,57	78,15

b	Hoàn thành (A) (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	24,03	25	25,01	25	23,43	21,85
c	Chưa hoàn thành (B) (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	1952	316	371	392	397	476
1	Lên lớp thẳng (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	99,95	100	100	100	99,75	100
a	Trong đó: Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %						
b	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %						
2	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	0,05	100	100	100	99,75	100
3	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	0	0	0	0	0	0
4	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	0,05	0	0	0	0,25	0
5	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	0	0	0	0	0	0
VI	Số học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học (tỷ lệ so với tổng số) Đơn vị: %	100					100

Yên Hòa, ngày 5 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(đã kí)

Nguyễn Thị Phương Lan